

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 19/7/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia
phiên tòa: Bà Trần Thị Miên - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện
P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ
lý số: 61 /2021/TLST-HS ngày 02/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 66/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nông Thị B (Nông Thị B1), sinh ngày 06/10/1971 tại Lạng
Sơn.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khối phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:
Không; Học vấn: 7/10.

Bố đẻ: Nông Văn N- đã chết; Mẹ đẻ: Hoàng Thị T- 1945. Chồng: đã ly
hôn và 01 con.

Tiền án: + Tại bản án số 559/2014/HSST ngày 28/10/2014 của TAND
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nông Thị B 18 tháng tù về
tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 157/2016/HSST ngày 27/5/2016 của TAND thành phố T,
tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nông Thị B 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 16/2018/HSST ngày 18/4/2018 của TAND huyện Đ, tỉnh
Thái Nguyên xử phạt Nông Thị B 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không

*Nhân thân: Ngày 24/4/2001 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên
xử phạt Nông Thị B 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 03/12/2002 Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thái Nguyên xử phạt
Nông Thị B 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 13/01/2004 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Nông Thị B 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 18/9/2007 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nông Thị B 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ 11/6/2021- Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Vũ Thị Kiều A- 2009

Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- Người giám hộ cho bị hại:

-

1. Hạ Thị Mơ- 1987

Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- Người làm chứng: Lường Thị Tây- 1954

Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 10/6/2021, Nông Thị B bắt xe buýt từ thành phố Thái Nguyên lên khu vực chợ Y, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì xuống xe. B đi vào trong chợ thì phát hiện tại bãi đất trống phía sau chợ có 01 chiếc xe đạp mini màu nâu dựng tại đó không có ai trông coi. B nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp đó. B đi đến chỗ chiếc xe, dắt xe xuống đường và đi ra khỏi khu vực chợ. Lúc này cháu Vi Thị Kiều A- 2009, trú tại xóm Đ, xã Y phát hiện bị mất xe nên đã trình báo Công an xã Y. Quá trình truy tìm đến khu vực xóm Y, xã Y thì phát hiện Nông Thị B đang đi chiếc xe đạp đó nên Công an xã Y đã mời B về trụ sở Công an xã giải quyết. Tại đây B đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe đạp của cháu A.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36 ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận chiếc xe đạp mini có giá trị là 720.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Quyết định truy tố số 63/ QĐ-VKSPL ngày 01/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nông Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện P giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo B mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Bị cáo B phải chịu án phí theo pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, bị hại không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo B khai: Sáng ngày 10/6/2021, bị cáo bắt xe buýt từ thành phố Thái Nguyên lên khu vực chợ Y, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì xuống xe. Bị cáo đi vào trong chợ thì phát hiện tại bãi đất trống phía sau chợ có 01 chiếc xe đạp mini màu nâu dựng tại đó không có ai trông coi. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp đó. Bị cáo đi đến chỗ chiếc xe và dắt xe xuống đường và đi về thành phố Thái Nguyên với mục đích sử dụng chiếc xe đó làm phương tiện đi lại. Khi đi được khoảng 1,5 km thì bị bắt.

- Lời khai của bị hại là cháu Vi Thị Kiều A .
- Lời khai người làm chứng.
- Kết luận định giá.

Như vậy hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe đạp giá trị 720.000 đồng, khi bản thân Nông Thị B đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại Điều 173 của BLHS quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

b) Đã bị kết án về tội này...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà Điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là cháu Vi Thị Kiều A. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo có một nhân thân xấu. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản, đã bị xử hình phạt tù như sau khi cải tạo bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Đây là tình tiết nhân thân khi xem xét quyết định hình phạt.

{5}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần xử bị cáo mức án từ 20 đến 24 tháng tù là phù hợp.

{6}. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị trộm cắp cho cháu A, nay cháu A không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

{7}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Nông Thị B(Nông Thị B1) phạm tội; “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Điều 329; 463 của BLTTHS.

Xử phạt: Nông Thị B: 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt 11/6/2021. Tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án..

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2014/NQ - UBTWQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo B phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện P (3b);
- VKSND huyện P (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. P (1b);
- THAHS (03b);
- Bị cáo (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

LƯƠNG ĐỨC LONG